

Bản án số: **143/2022/KDTM-ST**
Ngày 28 tháng 9 năm 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Phạm Quang Liêm

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2022/KTST ngày 22 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 593/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 703/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy S hoặc ông Trần Huỳnh L; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên lạc: số 96 đường C, Phường B, Quận B, Thành phố H. (Giấy ủy quyền số 1906/2022/UQ-PGD ngày 06/7/2022)

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn B;

Trụ sở: số 262/10 đường L, phường H, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: số 243/34 đường L, Phường M, Quận T, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: số 243/34 đường L, Phường M, Quận T, Thành phố H.

Tạm trú: LP1 3205 Căn hộ L - Số 50 đường P, Phường H, Quận S, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: số 24 đường Số 7, Phường M, Quận S, Thành phố H.

2. Bà Phạm Hoàng V, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: số 49/99 đường Số 4, phường B, quận B, Thành phố H.

Tạm trú: LP1 3205 Căn hộ L - Số 50 đường P, Phường H, Quận S, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: số 24 đường Số 7, Phường M, Quận S, Thành phố H.

(Ông S có mặt tại phiên tòa; Công ty Trách nhiệm hữu hạn B, ông T và bà V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận T, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V do ông Nguyễn Duy S là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (sau đây gọi tắt là Công ty B) đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019, mã khách hàng 5625443, được Ngân hàng duyệt ngày 13/6/2019. Căn cứ hồ sơ của Công ty B, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho Công ty B thẻ tín dụng số 124-C-612042 với hạn mức tín dụng là 300.000.000 đồng, lãi suất 29,5%/năm, thời hạn tín dụng 60 tháng. Khoản tín dụng cấp cho Công ty B được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V theo Hợp đồng bảo lãnh số 162/HĐBL/Vpbank-Tanphu.01 và Hợp đồng bảo lãnh số 162/HĐBL/Vpbank-Tanphu.02 ngày 11/6/2019. Khoản tín dụng cấp cho Công ty B không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản và không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Người sử dụng thẻ chính là bà Phạm Hoàng V và chủ thẻ phụ thứ nhất là ông Nguyễn Đức T.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, Công ty B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.513.418.699 đồng. Ngày 22/10/2021 Công ty B thanh toán lần cuối cùng cho Ngân hàng với số tiền 24.478.168 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay. Tổng số tiền Công ty B đã thanh toán cho Ngân hàng từ khi sử dụng thẻ đến nay là 1.094.006.104 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Công ty B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/9/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khóa một chiều đối với thẻ tín dụng số 124-C-612042 của Công ty B.

Ngày 22/6/2022, Ngân hàng có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu trong đơn khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tính đến ngày 28/9/2022, Công ty B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 419.412.595 đồng (Bốn trăm mười chín triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó:

- Nợ gốc là 284.782.613 đồng
- Nợ lãi là 134.629.982 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề:

1. Buộc Công ty B phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là: 419.412.595 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 284.782.613 đồng;

- Nợ lãi là 134.629.982 đồng.

2. Và các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên khoản nợ kể từ ngày 29/9/2022 theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày Công ty B thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 06/7/2022 và ngày 03/8/2022 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn Công ty B, ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa xét xử:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (do ông Nguyễn Duy Sáng là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu bị đơn Công ty B (do ông Nguyễn Đức T là đại diện theo pháp luật) phải có trách nhiệm thanh toán ngay số nợ tính đến ngày 28/9/2022 là 419.412.595 đồng (*Bốn trăm mười chín triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng*), trong đó: nợ gốc là 284.782.613 đồng và nợ lãi là 134.629.982 đồng. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

- Bị đơn Công ty B (do ông Nguyễn Đức T là đại diện theo pháp luật), ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn tố tụng: Hồ sơ vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019 của Công ty B, thì Công ty B được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 300.000.000 đồng. Do Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn kể từ ngày 22/9/2021. Căn cứ Điều 351, Điều 355, Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty B có trách nhiệm thanh toán số tiền 419.412.595 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng, thanh toán 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do Ngân hàng rút một phần yêu cầu

khởi kiện nên văn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn B không trả nợ thì yêu cầu ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V và trình bày của người đại diện theo ủy quyền, giữa Ngân hàng và Công ty B (trụ sở chính tại địa chỉ số 262/10 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận T) có quan hệ hợp đồng tín dụng và việc cho vay phát sinh giữa cá nhân, tổ chức có kinh doanh với nhau nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Do Công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận T giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty B, ông T và bà V, theo quy định tại Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, khoản 2 Điều 220, khoản 3 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Công ty B, ông T và bà V vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Công ty B, ông T và bà V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về nội dung tranh chấp:

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[3.1] Xét tính hợp pháp của Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019, mã khách hàng 5625443, được duyệt ngày 13/6/2019.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019 của Công ty B, được Ngân hàng ký phê duyệt ngày 13/6/2019, thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả ngay số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2022 là 419.412.595 đồng (trong đó nợ gốc là 284.782.613 đồng, nợ lãi là 134.629.982 đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận kể từ ngày 29/9/2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

Công ty B đã vay vốn tại Ngân hàng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019, được Ngân hàng duyệt ngày 13/6/2019. Căn cứ hồ sơ của Công ty B, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho Công ty B thẻ tín dụng số 124-C-612042 với hạn mức tín dụng là 300.000.000 đồng, lãi suất 29,5%/năm, thời hạn tín dụng 60 tháng. Người sử dụng thẻ chính là bà Phạm Hoàng V và chủ thẻ phụ thứ nhất là ông Nguyễn Đức T.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là thể hiện sự thiếu thiện chí và cố tình kéo dài thời hạn thanh toán số nợ trên, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Ngày 22/9/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khóa một chiều đối với thẻ tín dụng số 124-C-612042 của Công ty B. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 284.782.613 đồng (*Hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm mười ba đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 351; Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019, được Ngân hàng duyệt ngày 13/6/2019, có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Theo thỏa thuận, bị đơn có trách nhiệm trả tiền lãi cho nguyên đơn, do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 134.629.982 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Căn cứ theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp*

đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, 94 và 95 Luật Tổ chức tín dụng 2010 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở buộc Công ty B phải tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày 29/9/2022 đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm đã ký kết, tương ứng với số vốn và thời gian chậm trả.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 419.412.595 đồng (trong đó nợ gốc là 284.782.613 đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/9/2022 là 134.629.982 đồng) một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 355, Điều 357 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Xét khoản tín dụng được Ngân hàng cấp cho Công ty B được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V theo Hợp đồng bảo lãnh số 162/HĐBL/Vpbank-Tanphu.01 và Hợp đồng bảo lãnh số 162/HĐBL/Vpbank-Tanphu.02 ngày 11/6/2019. Đồng thời, khoản tín dụng cấp cho Công ty B không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản và không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Tuy nhiên, ngày 22/6/2022, Ngân hàng có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu trong đơn khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bảo lãnh của ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V trong trường hợp Công ty B không thực hiện việc trả nợ.

[3.3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, điểm c khoản 1 Điều

217, khoản 2 Điều 220, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 233, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 117, Điều 351, Điều 355, Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019, tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 419.412.595 đồng (*Bốn trăm mười chín triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng*). Trong đó:

- Nợ gốc là 284.782.613 đồng (*Hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm mười ba đồng*).

- Nợ lãi là 134.629.982 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi hai đồng*)

Về phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần toàn bộ số nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/9/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần V trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn B không trả nợ thì ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Hoàng V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2019 đã ký.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.776.504 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm lẻ bốn đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 8.881.111 đồng (*Tám triệu tám trăm tám mươi một nghìn một trăm mười một đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0035470 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Trang